

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 56/2019/HS-ST

Ngày: 05-3-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Ông Nguyễn Đình Cải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức P, sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu: C15P8 tập thể V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 17 tổ 33 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình C, sinh năm 1958 và bà Lương Thị M, sinh năm 1964, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 04-12-2018, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

2. Trần Tuấn A, sinh năm 1998 tại tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu: Số 18/102 đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 1/39 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thái T, sinh năm 1973 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1973, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án- tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 06-12-2018 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

3. Phạm Văn M, sinh năm 1994 tại tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn S, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1993, có 02 con sinh năm 2014 và năm 2017; tiền án- tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 05-12-2018 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 6, thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn L, sinh năm 1992; nơi cư trú: xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức P có quan hệ bạn bè với anh Phạm Văn M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 6, thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình đang thuê trọ tại thôn M, xã M, thành phố N, Qua những lần đến nhà trọ của anh M chơi, P biết được anh M có chiếc xe máy Exciter 150 BKS: 17B5-xxxx hàng ngày được cất giữ tại kho của khu nhà trọ. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy Exciter trên. P biết trong chum chìa khóa xe, anh M có để cả chìa khóa kho và khóa cổng của khu nhà trọ. Sáng ngày 06-11-2018 P mượn xe của M, sau đó P đã đánh chì khóa kho, chìa khóa cổng khu trọ và đến khoảng 18 giờ ngày 08-11-2018 P mang xe đến trả cho M.

Sau khi trả xe cho anh M, P gọi điện cho Trần Tuấn A rủ đi trộm cắp xe máy và hứa cho Tuấn A tiền sau khi bán được xe, Tuấn A đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 ngày 09-11-2018 P điều khiển xe máy Dream của mình chở Tuấn A đến đầu ngõ khu nhà trọ anh M. Tuấn A đứng đợi trông xe và cảnh giới còn P đi bộ vào khu trọ. Lúc này P quan sát các phòng trọ trong dãy trọ đề đóng cửa, tắt điện, P dùng chìa khóa đã đánh sẵn mở khóa cổng và khóa kho, trong kho có xe máy Exciter 150 BKS: 17B5-xxxx của anh M và 01 chiếc xe Wave Alpha BKS: 28E1-xxxx của anh Bùi Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm N, xã Thanh H, huyện T, tỉnh Hòa Bình. P dắt xe Exciter ra chỗ Tuấn A rồi cầm chìa khóa đã đánh sẵn nổ máy, cùng

Tuấn A đi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định gửi xe Exciter. Trên đường đi, P nói với Tuấn A, trong kho của dãy trọ còn chiếc xe Wave Alpha nữa, gửi xe xong sẽ quay lại lấy, Tuấn A đồng ý. Sau đó, cả hai quay lại khu trọ nhà anh M, Tuấn A tiếp tục đứng ngoài cảnh giới trông xe, P và dắt chiếc xe Wave Alpha màu trắng BKS: 28E1-xxxxx đi đến chỗ Tuấn A. Tuấn A điều khiển xe Dream cùng P đẩy xe Wave Alpha đến nhà chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984, trú tại: Đ, huyện V, tỉnh Nam Định là người quen của P để gửi xe. Khi gửi chiếc xe này, P không nói với chị N về nguồn gốc chiếc xe do trộm cắp mà có. Sau đó, P cùng Tuấn A quay lại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định lấy xe Exciter mang đến gửi tại bãi gửi xe ở khu vực Cầu Ốc, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định và sau đó chuyển gửi nhiều bãi gửi xe khác nhau để tránh bị phát hiện. Ngày 12-11-2018, P liên lạc với Phạm Văn M và nói với M có chiếc xe Exciter do trộm cắp mà có được và hỏi M có mua không? M đồng ý mua xe với giá 15.000.000 đồng và hẹn gặp P tại nhà M để mua bán. Sau khi thỏa thuận xong với P, M liên lạc với Phạm Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại: Xóm 5, N, N, Nam Định nói với Đ là M có xe Exciter 150 không có giấy tờ, không có nhu cầu sử dụng nữa xem Đ có mua không thì Đ đang có nhu cầu mua hộ cho bạn của mình là Trần Văn L, sinh năm 1992; nơi cư trú: xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định nên đồng ý mua với giá 16.800.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ ngày 13-11-2018, P một mình điều khiển xe Exciter 150 BKS: 17B5-xxx đến nhà M chờ M đi đến khu vực bờ biển thuộc xã Nghĩa P, Nghĩa Hưng, Nam Định gặp Đ và L. Tại đây, Đ đưa cho M 16.800.000 đồng và nhận xe Exciter và đưa cho Lý. M giữ lại 1.800.000 đồng và đưa trả cho P 15.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe Wave Alpha BKS: 28E1-xxxx gửi ở nhà chị N, khoảng 10 giờ ngày 12-11-2018 P một mình điều khiển xe Dream của mình đến nhà chị N gửi chiếc xe Dream lại nhà chị N và lấy chiếc xe Wave Alpha mang về nhà P, tháo biển kiểm soát và lắp biển kiểm soát giả vào xe. Sau đó P gọi điện cho Tuấn A đến chở P vào nhà chị N lấy xe Dream và P đưa trước cho Tuấn A 1.000.000 đồng là tiền công từ việc trộm cắp tài sản. Tuấn A cầm số tiền trên và đã tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 23-11-2018 P gọi điện cho M có mua xe Wave Alpha màu trắng do trộm cắp được không thì M đồng ý và trả giá 6.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong với P, M liên lạc với anh Trần Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nói với T là M có xe Wave Alpha màu trắng không giấy tờ, không có nhu cầu sử dụng nữa muốn bán. Anh T đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày, P điều khiển xe Wave Alpha màu trắng đã lắp biển giả đến nhà M chờ M ra khu vực thị trấn Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định gặp T (trên đường đi đã rơi biển kiểm soát giả của xe). Đến nơi, T đã đưa cho M 7.000.000 đồng và nhận xe, M rút lấy 1.000.000 đồng và trả cho P 6.000.000 đồng.

Sau khi bị mất xe, anh Phạm Văn M và anh Bùi Văn H đã đến Công an trình báo. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đã thu giữ 01 mũ bảo hiểm dạng mũ thời trang, lưới trai màu đen của anh H để ở trên xe Wave Alpha nhưng P sau khi vào lấy xe đã để lại kho, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đã tiến hành giám định dấu vết đường vân ở trên mũ. Tại bản kết luận giám định số 1015/GĐKTHS ngày 27-11-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Dấu vân tay thu được ở trên mũ bảo hiểm với dấu vân tay trên danh chỉ bản của Trần Đức P là của cùng một người.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra – Công an thành phố Nam Định đã triệu tập đối với Trần Đức P và Trần Tuấn A. Tại cơ quan điều tra, P và Tuấn A đã khai nhận hành vi trộm cắp hai chiếc xe máy trên. Sau đó bán hai chiếc xe máy trên cho Phạm Văn M. Chùm chìa khóa P dùng mở khóa cổng và khóa kho, P khai đã vất đi. Ngày 05-12-2018 Phạm Văn M đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và đã khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có như trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định xác định chiếc xe máy Exciter 150 màu xanh BKS: 17B5-xxxx có trị giá 35.000.000 đồng; chiếc xe máy Wave Alpha màu trắng BKS: 28E1-xxxx có trị giá 14.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đã trả lại các xe trên cho anh Bùi Văn M, anh Bùi Văn H. Sau khi nhận lại tài sản anh M và anh H không có ý kiến gì khác.

Quá trình điều tra, Phạm Văn M tự nguyện khắc phục hậu quả, trả cho anh Trần Văn L 1.800.000 đồng, trả cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng. Anh Trần Văn L yêu cầu Trần Đức P và Trần Tuấn A bồi thường 15.000.000 đồng; anh Trần Văn T yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng. Hiện P, Tuấn A chưa bồi thường.

Đối với Phạm Văn Đ, Trần Văn L, Trần Văn T khi mua chiếc xe máy Exciter 150 màu xanh BKS: 17B5-xxxx và chiếc xe máy Wave Alpha màu trắng BKS: 28E1-xxxxx không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định không đề cập đến vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 29-01-2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Trần Đức P và bị cáo Trần Tuấn A tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn M tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức

án thấp nhất tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về phần bồi thường dân sự, các bị cáo Trần Đức P và Trần Tuấn A xác định có trách nhiệm liên đới bồi thường trị giá xe máy cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T 6.000.000 đồng và anh Trần Văn L 15.000.000 đồng. Các bị cáo tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Trần Đức P có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn L trị giá chiếc xe máy là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); bị cáo Trần Tuấn A có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Tại phiên tòa, người bị hại là anh Phạm Văn M đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn nhất trí phần bồi thường dân sự mà các đã tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A, Phạm Văn M về tội danh, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức P từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về phần bồi thường dân sự: Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần Đức P và Trần Tuấn A: Buộc bị cáo P có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn L 15.000.000 đồng; buộc bị cáo P bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000 đồng; buộc bị cáo Tuấn A bồi thường cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 01 giờ ngày 09-11-2018, Trần Đức P và Trần Tuấn A đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Văn M chiếc xe máy Exciter 150 màu xanh BKS: 17B5-xxxxx có trị giá 35.000.000 đồng; của anh Bùi Văn H chiếc xe máy Wave Alpha màu trắng BKS: 28E1-xxxx có trị giá 14.000.000 đồng tại khu nhà trọ ở thôn M, xã M, thành phố N. Tổng trị giá tài sản mà P, Tuấn A chiếm đoạt là 49.000.000 đồng.

Phạm Văn M biết rõ những chiếc xe trên là tài sản mà P, Tuấn A trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý mua bán, tiêu thụ.

Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đơn trình báo và lời khai của những người bị hại, bản kết luận định giá tài sản, biên bản thu giữ và trả tài sản, lời khai của người làm chứng, thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:*

Hành vi của tất cả các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A đã hai lần có hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Phạm Văn M đã hai lần có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình vì vậy tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn M đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo đã trả cho anh Trần Văn L 1.800.000 đồng, trả cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Trần Đức P và bị cáo Trần Tuấn A:

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nhưng do các bị cáo lười lao động, háms lờ bất chính nên các bị cáo đã phạm tội. Về hình phạt cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

Trong vụ án trộm cắp tài sản, các bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A cùng thống nhất thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này cho thấy:

Bị cáo Trần Đức P là người chủ mưu, khởi xướng và rủ bị cáo Trần Tuấn A thực hiện hành vi phạm tội, là người chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm, trực tiếp mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên xếp bị cáo ở vai trò đầu trong vụ án. Về hình phạt cần có mức án cao hơn so với bị cáo Tuấn A.

Bị cáo Tuấn A tham gia hai lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức một cách tích cực. Bị cáo đã đứng cảnh giới cho đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội và cũng được phân chia số tiền bán xe nên xếp bị cáo ở vai trò sau bị cáo P. Về hình phạt cần có mức án thấp hơn so với bị cáo P.

- Đối với bị cáo Phạm Văn M:

Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự công cộng, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án. Về hình phạt, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

- Về hình phạt bổ sung: Xét tất cả các bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[5] Về phần bồi thường dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn L yêu cầu Trần Đức P và Trần Tuấn A bồi thường số tiền mua xe là 15.000.000 đồng; anh Trần Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền mua xe là 6.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh L và anh T là hợp pháp, buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trần Văn L 15.000.000 đồng, bồi thường cho anh Trần Văn T 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Trần Đức P có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn L trị giá chiếc xe máy là 15.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Tuấn A có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được chấp nhận. Buộc bị cáo Trần Đức P có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn L 15.000.000 đồng; buộc bị cáo Trần Đức P bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000 đồng; buộc bị cáo Trần Tuấn A bồi thường cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng. Về khoản bồi thường dân sự, nếu các bị cáo chậm thi hành thì các bị cáo phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Đức P và Trần Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Văn M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức P 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-12-2018.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06-12-2018.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05-12-2018.

5. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Trần Đức P bồi thường cho anh Trần Văn L 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

- Buộc bị cáo Trần Tuấn A bồi thường cho anh Trần Văn T 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

6. Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án về phần bồi thường dân sự có đơn xin thi hành án, nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A và Phạm Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Đức P phải nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng); bị cáo Trần Tuấn A phải nộp 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng).

8. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A và Phạm Văn M, anh Phạm Văn Minh, anh Trần Văn Toán được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 và Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Về phần bồi thường dân sự bị cáo Trần Đức P, Trần Tuấn A có quyền thỏa thuận thi hành án với anh Trần Văn Toán và anh Trần Văn Lý. Tất cả các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Anh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh

